

BẢNG THUYẾT MINH

Một số nội dung liên quan đến dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

I. Về trích yếu, bố cục và căn cứ ban hành Nghị quyết

Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ)	Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Thuyết minh (kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)
1. Về trích yếu: Ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 2. Về bố cục: Nghị quyết có 03 điều: Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(Có Quy định kèm theo Nghị quyết)</i> Điều 2: Tổ chức thực hiện Điều 3: Hiệu lực thi hành 3. Về căn cứ pháp lý ban hành (1) Luật Tổ chức chính quyền địa phương	1. Về trích yếu: Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Kon Tum 2. Về bố cục: Nghị quyết có 04 điều Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng Điều 2: Mức chi, nguồn kinh phí thực hiện <i>(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)</i> Điều 3: Tổ chức thực hiện Điều 4: Điều khoản thi hành 3. Về căn cứ pháp lý ban hành (1) Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ	1. Về trích yếu: Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 2. Về bố cục: Nghị quyết có 04 điều Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Điều 2: Nội dung chi và mức chi <i>(Điều này có 16 khoản quy định chi tiết về nội dung chi, mức chi)</i> Điều 3: Tổ chức thực hiện Điều 4: Hiệu lực thi hành * Bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 4: “2. Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa	Về trích yếu và bố cục: Nghị quyết quy định trực tiếp các nội dung chi, mức chi theo quy định tại Mẫu 17 Phụ lục II Kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Tại Điều 4: dự thảo Nghị quyết bổ sung nội dung khoản 2 để đảm bảo việc áp dụng

Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ)	Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Thuyết minh (kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)
ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; (2) Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; (3) Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012; (4) Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013; (5) Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; (6) Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; (7) Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; (8) Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; (9) Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; (2) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; (3) Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; (4) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (5) Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;	giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.” * Tại Khoản 3 Điều 4 ghi rõ việc hết hiệu lực đối với 02 nghị quyết của 02 tỉnh trước đây: (1) Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (trước khi sắp xếp); (2) Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum (trước khi sắp xếp) 3. Về căn cứ pháp lý ban hành (1) Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; (2) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; (3) Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13; (4) Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13; (5) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; (6) Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng	Nghị quyết được liên tục, thông suốt, phù hợp với tình hình thực tế Về căn cứ pháp lý ban hành: Đưa các văn bản QPPL mới được sửa đổi, bổ sung làm căn cứ

Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)	Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ)	Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
tiếp cận pháp luật; (10) Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; (11) Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;		4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; (7) Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; (8) Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; (9) Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; (10) Quyết định số 39/2025/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, Tủ sách pháp luật tại cơ quan, đơn vị của lực lượng vũ trang nhân dân; (11) Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	

II. Về các nội dung chi, mức chi cụ thể

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
1. Chi công tác phí; tổ chức các cuộc họp, hội nghị Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch	Mức chi thực hiện theo Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND: Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019; Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020.	Mức chi thực hiện theo Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.	Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh đã bãi bỏ các Nghị quyết của 02 tỉnh trước đây
2. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng; chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho người tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng				2.1. Theo Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Xử lý các văn bản

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
2.1. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2.2. Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với người tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh.	2.1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 2.2. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh.	2.1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND. 2.2. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.	2.1 Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 2.2. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh, UBND tỉnh Kon Tum (cũ) - sau đây gọi tắt là KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 3 năm 2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế.

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
3. Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm; chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã 3.1. Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh; cấp xã; Tổ thẩm định đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật) * Thay cụm từ: “thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện” thành “thẩm định chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật” vì nhiệm vụ này đã chuyển về cấp tỉnh (Sở Tư pháp) theo Quyết định số	3.1. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh 3.2. Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy	3.1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. <i>(Nghị quyết số 101/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum)</i> 3.2. Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng	3.1. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. 3.2. Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ	3.1. Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 4 năm 2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế. 3.2. Giữ nguyên

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ. 3.2. Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã (chủ trì và các thành viên tham dự)	phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC)	văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC).	thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC).	
4. Chi ứng dụng công nghệ thông tin Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; đăng tải thông tin pháp luật, các thông tin khác về hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hỏi đáp pháp luật cần thiết cho người dân trên cổng/trang thông tin điện tử sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; cập nhật tài liệu pháp luật trên dữ liệu thành phần của Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia; xây dựng các dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo chương trình, dự án, kế hoạch được cấp	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.	* Bổ sung Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
có thẩm quyền phê duyệt:				
5. Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng 5.1. Chi biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) giới thiệu Luật, Pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường 5.2. Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật	5.1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 5.2. Thực hiện theo quy định tại điểm đ Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để	5.1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng Chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. 5.2. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 71/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở	5.1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định một số định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 5.2. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực	5.1. Thuyết minh tương tự như tại điểm 3.1 5.2. Thực hiện theo Nghị quyết mới

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
5.3. Chi biên soạn sách nói pháp luật 5.4. Chi biên soạn bài giảng điện tử 5.5. Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài	thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông. 5.3. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản; 5.4. Chi biên soạn bài giảng điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. 5.5. Thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	giáo dục để thực hiện Chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum. 5.3. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản. 5.4. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025. 5.5. Theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	hiện Chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi. 5.3. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản; 5.4. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư 75/2024/TT-BTC ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2023/TT-BTC. 5.5. Thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	5.3. Giữ nguyên 5.4. Hiện chưa ban hành Thông tư mới áp dụng trong giai đoạn 2026-2030 nên vẫn áp dụng các thông tư này 5.5. Giữ nguyên

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin 5.6. Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông):	5.6. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND.	5.6. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.	5.6. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND.	5.6. Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 3 năm 2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn để áp dụng Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế.
6. Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù 6.1. Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên	6.1. Mức chi: 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.	6.1. Mức chi: 1.200.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.	6.1. Mức chi: 1.500.000 đồng/tờ gấp đã hoàn thành.	Dự thảo áp dụng theo mức chi đã quy

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
soạn, biên tập, thẩm định) 6.2. Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định): 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành 6.3. Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) 6.4. Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	6.2. Mức chi: 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành 6.3. Mức chi: 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành 6.4. Mức chi: 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	6.2. Mức chi: 400.000 đồng/tình huống đã hoàn thành 6.3. Mức chi: 1.900.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành 6.4. Mức chi: 6.000.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	6.2. Mức chi: 450.000 đồng/tình huống đã hoàn thành 6.3. Mức chi: 2.250.000 đồng/câu chuyện đã hoàn thành 6.4. Mức chi: 7.500.000 đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành.	định tại Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), đã lấy ý kiến (đều thống nhất) của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh
7. Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	Mức chi thực hiện theo mức tối đa quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC. <i>(Sau này có Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh ban</i>	Thực hiện mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định nội dung chi, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Mức chi thực hiện theo mức tối đa quy định tại Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm	Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 5 năm 2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
	<i>hành Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm)</i>			nghị quyết mới ban hành thay thế.
8. Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch về thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã chuẩn tiếp cận pháp luật, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm: 8.1. Xây dựng đề cương 8.1.1. Xây dựng đề cương chi tiết 8.1.2. Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương	- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương - Cấp xã: 600.000 đồng/đề cương - Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	960.000 đồng/đề cương <i>(không phân cấp)</i> 1.600.000 đồng/đề cương hoàn	- Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương - Cấp xã: 600.000 đồng/đề cương - Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh	Dự thảo áp dụng theo mức chi đã quy định tại Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), đã lấy ý kiến

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
<i>tổng quát</i> 8.2. Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch 8.2.1. Soạn thảo 8.2.2. Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến 8.3. Tổ chức họp, tọa đàm góp ý 8.3.1. Chủ trì 8.3.2. Thành viên dự 8.4. Ý kiến tư vấn của chuyên gia 8.5. Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch 8.5.1. Chủ tịch Hội đồng 8.5.2. Thành viên Hội đồng, Thư ký 8.5.3. Đại biểu được mời tham dự 8.5.4. Nhận xét, phản biện của Hội	- Cấp xã: 1.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch - Cấp xã: 1.500.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 250.000 đồng/báo cáo 200.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 500.000 đồng/văn bản 200.000 đồng/người/buổi 150.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 300.000 đồng/bài viết	chính <i>(không phân cấp)</i> 2.400.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch <i>(không phân cấp)</i> 400.000 đồng/báo cáo <i>(không phân cấp)</i> 150.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 400.000 đồng/văn bản 150.000 đồng/người/buổi 120.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 250.000 đồng/bài viết	- Cấp xã: 1.000.000 đồng/đề cương hoàn chỉnh - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/chương trình, đề án, kế hoạch - Cấp xã: 1.500.000 đồng/ chương trình, đề án, kế hoạch - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 250.000 đồng/báo cáo 200.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 500.000 đồng/văn bản 200.000 đồng/người/buổi 150.000 đồng/người/buổi 100.000 đồng/người/buổi 300.000 đồng/bài viết	<i>(đều thống nhất)</i> của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
<i>đồng</i> 8.5.5. Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng 8.6. Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch <i>(Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch)</i> 8.7. Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	200.000 đồng/bài viết 500.000 đồng/bài viết 500.000 đồng/văn bản	160.000 đồng/bài viết 400.000 đồng/bài viết 400.000 đồng/văn bản	200.000 đồng/bài viết 500.000 đồng/bài viết 500.000 đồng/văn bản	
9. Chi thù lao 9.1. Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt với tư cách là giảng viên 9.2. Thù lao huy động chuyên gia, nhà	9.1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận. 9.2. Thực hiện theo quy định tại	9.1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận. 9.2. Thực hiện theo quy định tại	9.1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận. 9.2. Mức chi thực hiện theo quy	Thuyết minh tương tự như 2.1 9.2. Sửa đổi, bổ

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật	Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quyết định	Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.	định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Quyết định số 26/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quyết định.	sung để phù hợp với các quy định hiện hành
10. Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt 10.1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật 10.2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày). 20.000 đồng/người/buổi.	50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày). 20.000 đồng/người/buổi.	50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày). 20.000 đồng/người/buổi.	

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
11. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi 11.1. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, bao gồm: <i>11.1.1. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày). Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan</i> <i>11.1.2. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu kỳ, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi.</i>	11.1.1. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh. 11.1.2. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này (11.3) và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	11.1.1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. 11.1.2. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này (11.3) và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	11.1.1. Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh. 11.1.2. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này (11.3) và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	11.1.1. Theo Nghị quyết mới
11.2. Chi biên soạn đề thi, xây dựng		11.2. Thực hiện theo quy định		11.2. Ghi cụ thể

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung khác phục vụ tổ chức cuộc thi, cụ thể: 11.2.1. Chi xây dựng ngân hàng câu hỏi - Xây dựng và phê duyệt + <i>Chủ trì</i> + <i>Thành viên</i> - Soạn thảo câu hỏi + <i>Câu hỏi thô</i> + <i>Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi</i> + <i>Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm</i> + <i>Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi</i> + <i>Rà soát, lựa chọn và nhập</i>	- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày; - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 350.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 175.000 đồng/người/ngày 40.000 đồng/câu 40.000 đồng/câu 40.000 đồng/câu 28.000 đồng/câu 8.000 đồng/câu	tại Nghị quyết số 70/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	- Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày 40.000 đồng/câu 40.000 đồng/câu 40.000 đồng/câu 28.000 đồng/câu 8.000 đồng/câu	mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND (Phụ lục II)

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
<i>các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hóa</i> 11.2.2. Ban Tổ chức - Trưởng Ban tổ chức - Phó trưởng Ban tổ chức - Ủy viên, thư ký - Nhân viên phục vụ 11.2.3. Hội đồng/Ban/Tiểu ban ra đề thi - Đề đề xuất - Đề thi chính thức, dự bị kèm đáp án, biểu điểm + Chủ tịch/Trưởng ban/Trưởng	- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày 450.000 đồng/đề		- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày 450.000 đồng/đề	

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
<i>Tiểu ban</i> <i>+ Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban/Phó Tiểu ban</i> <i>+ Ủy viên, Thư ký</i> 11.2.4. Chi hội đồng/Ban chấm thi, chấm thẩm định, chấm phúc khảo <i>- Chủ tịch/Trưởng ban</i> <i>- Phó chủ tịch/Phó Trưởng ban</i> <i>- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, giám khảo</i>	- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày		- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 250.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 450.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 225.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/người/ngày	

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
- <i>Nhân viên phục vụ</i> 11.2.5. Một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi	- Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày 11.2.5. Thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông		- Cấp xã: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày - Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày 11.2.5. Thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông	
11.3. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên mạng internet, có thêm mức chi đặc thù sau - Thuê dẫn chương trình: - Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: - Thuê văn nghệ, diễn viên: 450.000	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình; Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị 450.000 đồng/người/ngày	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình; Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị 400.000 đồng/người/ngày	Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình; Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị 450.000 đồng/người/ngày	Giữ nguyên Giữ nguyên Mức chi theo Nghị

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
đồng/người/ngày - Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử):	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước; các văn bản khác có liên quan của địa phương.	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành.	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước; các văn bản khác	quyết số 31/2023 Bổ sung Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
			có liên quan của địa phương.	
11.4. Chi giải thưởng 11.4.1. Cuộc thi quy mô cấp tỉnh - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba - Giải khuyến khích - Giải phụ khác 11.4.2. Cuộc thi quy mô cấp xã - Giải nhất - Giải nhì - Giải ba	- Tập thể: 15.000.000 đồng/giải - Cá nhân: 9.000.000 đồng/giải - Tập thể: 10.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 4.500.000 đồng/giải - Tập thể: 7.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 3.000.000 đồng/giải - Tập thể: 4.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 1.500.000 đồng/giải 750.000 đồng/giải - Tập thể: 7.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 4.500.000 đồng/giải - Tập thể: 5.250.000 đồng/giải - Cá nhân: 2.250.000 đồng/giải - Tập thể: 3.750.000 đồng/giải - Cá nhân: 1.500.000 đồng/giải	- Tập thể: 12.000.000 đồng/giải - Cá nhân: 7.500.000 đồng/giải - Tập thể: 8.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 3.500.000 đồng/giải - Tập thể: 6.000.000 đồng/giải - Cá nhân: 2.500.000 đồng/giải - Tập thể: 3.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải 600.000 đồng/giải Không quy định cấp xã	- Tập thể: 12.000.000 đồng/giải - Cá nhân: 7.500.000 đồng/giải - Tập thể: 8.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 3.500.000 đồng/giải - Tập thể: 6.000.000 đồng/giải - Cá nhân: 2.500.000 đồng/giải - Tập thể: 3.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 1.200.000 đồng/giải 600.000 đồng/giải - Tập thể: 7.500.000 đồng/giải - Cá nhân: 4.500.000 đồng/giải - Tập thể: 5.250.000 đồng/giải - Cá nhân: 2.250.000 đồng/giải - Tập thể: 3.750.000 đồng/giải - Cá nhân: 1.500.000 đồng/giải	Cuộc thi quy mô cấp tỉnh: Áp dụng theo mức quy định tại Nghị quyết số 68/2023. Vì trong thời gian qua, việc áp dụng chi giải thưởng cuộc thi ở Quảng Ngãi trên thực tế thấp hơn mức theo Nghị quyết số 31/2023 Cuộc thi quy mô cấp xã: Áp dụng theo mức quy định tại Nghị quyết số 31/2023. Đã lấy ý kiến cấp xã (đều thống nhất),

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
- Giải khuyến khích - Giải phụ khác	- Tập thể: 2.250.000 đồng/giải - Cá nhân: 750.000 đồng/giải 375.000 đồng/giải		- Tập thể: 2.250.000 đồng/giải - Cá nhân: 750.000 đồng/giải 375.000 đồng/giải	
12. Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở - Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo - Viết báo cáo	- Cấp tỉnh: 75.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 40.000 đồng/báo cáo - Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 2.250.000 đồng/báo cáo	60.000 đồng/báo cáo (Không phân cấp) 4.000.000 đồng/báo cáo trình UBND tỉnh (Không phân cấp)	- Cấp tỉnh: 75.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 40.000 đồng/báo cáo - Cấp tỉnh: 4.500.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 2.250.000 đồng/báo cáo	Áp dụng theo mức quy định tại Nghị quyết số 31/2023. Theo Nghị quyết số 68/2023 có chi báo cáo của sở, ngành, tuy nhiên nội dung chi này không được quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC
13. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Đối với đoàn công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm bảo đảm chi phí cho chuyến công	Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND	Thực hiện mức chi theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế	Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng	Thay các nghị quyết viện dẫn bằng Nghị quyết 15/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2025

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
tác theo chế độ quy định. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này.	ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	hoạch; Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.	10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.	
14. Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở - Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: - Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết) được thực hiện như sau: + Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế	300.000 đồng/vụ, việc. 400.000 đồng/vụ, việc Thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về	250.000 đồng/vụ, việc 320.000 đồng/vụ, việc Thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của	300.000 đồng/vụ, việc. 400.000 đồng/vụ, việc Thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo	Áp dụng theo Nghị quyết số 31/2023 Giữ nguyên

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
+ Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút - Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được - Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở:	bảo hiểm y tế; bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe 05 tháng lương cơ sở	pháp luật về bảo hiểm y tế; bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe 05 tháng lương cơ sở	hiểm y tế; bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe 05 tháng lương cơ sở	Giữ nguyên và điều chỉnh Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2024) Giữ nguyên Giữ nguyên

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
- Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải).	150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng	120.000 đồng/tổ hòa giải/tháng	150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng	Áp dụng mức chi của Nghị quyết số 31/2023
15. Chi kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật Chi kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum.	Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Theo KH xử lý VB 02 tỉnh, thì nghị quyết thay thế các nghị quyết được viện dẫn áp dụng nội dung này (của 02 tỉnh) được dự kiến ban hành mới trong kỳ họp chuyên đề HĐND tháng 02 năm 2026 nên tại dự thảo tạm thời vẫn đề áp dụng Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi cho đến khi có nghị quyết mới ban hành thay thế.
16. Chi khen thưởng, chi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ và các khoản				

Nội dung chi <i>(Đã điều chỉnh bỏ nội dung liên quan đến cấp huyện và nội dung đã được điều chỉnh bởi văn bản QPPL khác)</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) <i>(theo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (từ điều 2 đến điều 19))</i>	Mức chi theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ) <i>(theo Phụ lục chi tiết kèm theo Nghị quyết)</i>	Mức chi theo dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi <i>(quy định trực tiếp tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)</i>	Thuyết minh <i>(kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung)</i>
chi khác - Chi khen thưởng: - Chi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ: - Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (nếu có):	Mức chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ: Mức chi thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Mức chi theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	Mức chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ: Mức chi thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Mức chi theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	Mức chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ: Mức chi thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Mức chi theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.	Giữ nguyên